**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**



**WEBSITE BÁN HÀNG   
TÍCH HỢP MÔ HÌNH**

**AFFILIATE MARKETING**

🙠🖎🕮✍🙢

**USER STORIES**

**Metor: T.S. TRƯƠNG TIẾN VŨ**

**Group Members:**

*Phạm Lê Trọng Thắng 2321118081*

*Dương Tuấn Anh 2321111499*

*Ngô Minh Hà 2321118147*

*Lê Anh Tuấn 2121728074*

*Trần Thành Trung 2321124968*

**Đà Nẵng, 03/2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PROJECT INFORMATION** | | | | |
| **Project Acronym** | WAM | | | |
| **Project Title** | Website Bán Hàng Tích Hợp Mô Hình Affiliate Marketing | | | |
| **Start Date** | 01/03/2022 | **End Date** | 31/05/2022 | |
| **Lead Institution** | Department Of Information Technology, Duy Tan University | | | |
| **Project Mentor** | TS.Trương Tiến Vũ  Email: [truongtienvu@dtu.edu.vn](mailto:truongtienvu@dtu.edu.vn)  Phone: 0914083188 | | | |
| **Product Owner** | Ngô Minh Hà  Email: ngominhha0843@gmail.com  Phone: 0762.730.678 | | | |
| **Partner Organization** | Duy Tan University | | | |
| **Scrum Master** | Dương Tuấn Anh | [d.t.anh2906@gmail.com](mailto:d.t.anh2906@gmail.com) | | 0838.290.696 |
| **Team Members** | Trần Thành Trung | thanhtrungsa69@gmail.com | | 0763.804.053 |
| Phạm Lê Trọng Thắng | Trongthang24@gmail.com | | 0935.282.337 |
| Lê Anh Tuấn | leanhtuan9497@gmail.com | | 0816.394.777 |
| Ngô Minh Hà | [ngominhha0843@gmail.com](mailto:ngominhha0843@gmail.com) | | 0762.730.678 |

**THÔNG TIN TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên dự án** | Website Bán Hàng Tích Hợp Mô Hình Affiliate Marketing | | |
| **Tiêu đề tài liệu** | User Stories | | |
| **Tác giả** | Dương Tuấn Anh | | |
| **Vai trò** | Scrum master | | |
| **Ngày** | 03/03/2022 | **File name:** | 03\_WAN.UserStories-v1.1.docx |

**LỊCH SỬ SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiên bản** | **Người sửa đổi** | **Ngày** | **Mô tả** |
| 1.0 | Dương Tuấn Anh | 03/03/2022 | Tạo tài liệu |
| 1.1 |  |  |  |

**PHÊ DUYỆT TÀI LIỆU**

*Cần có các chữ ký để phê duyệt tài liệu*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên** | **Quyền hạn** | **Ngày ký** | **Chữ ký** |
| T.S TRƯƠNG TIẾN VŨ | Mentor | ......./......../2022 |  |
| NGÔ MINH HÀ | Product Owner | ......./......../2022 |  |
| LÊ ANH TUẤN | Scrum Master | ......./......../2022 |  |
| DƯƠNG TUẤN ANH | Thành viên | ......./......../2022 |  |
| PHẠM LÊ TRỌNG THẮNG | Thành viên | ......./......../2022 |  |
| TRẦN THÀNH TRUNG | Thành viên | ......./......../2022 |  |

**CONTENT**

[**1.** **GIỚI THIỆU** 6](#_Toc69440464)

[1.1. Khái quát 6](#_Toc69440465)

[1.2. Tổng quan tài liệu 6](#_Toc69440466)

[1.3. Giá trị kinh doanh 6](#_Toc69440467)

[**2.** **USER STORIES CỦA WEBSITE SMART MOBILE** 7](#_Toc69440468)

[2.1. U01 – xem thông tin về các dòng điện thoại, laptop và phụ kiện 7](#_Toc69440469)

[2.2. U02 - tìm kiếm thông tin về các sản phẩm điện thoại 7](#_Toc69440470)

[2.3. U03 - tìm kiếm thông tin về các sản phẩm Laptop 7](#_Toc69440471)

[2.4. U04 - tìm kiếm các sản phẩm phụ kiện 7](#_Toc69440472)

[2.5. U05 - tìm kiếm và xem các tin tức về công nghệ hiện có trên website 8](#_Toc69440473)

[2.6. U06 – bình luận khi xem sản phẩm 8](#_Toc69440474)

[2.7. U07 - xem bình luận của người khác 8](#_Toc69440475)

[2.8. U08 – Tôi muốn để lại thông tin khi vào website 8](#_Toc69440476)

[2.9. U09 – xem thông tin của website 9](#_Toc69440477)

[2.10. U10 – Tôi muốn website dễ nhìn và dễ sử dụng 9](#_Toc69440478)

[2.11. U11 – nghe nhạc nền của website 9](#_Toc69440479)

[2.12. U12 - Là quản trị viên, duyệt qua tất cả các đóng góp và bình luận 9](#_Toc69440480)

[2.13. U13 – Là quản trị viên xóa bình luận của người dùng 10](#_Toc69440481)

[2.14. U14 – Là quản trị viên xóa đóng góp của người dùng 10](#_Toc69440482)

[2.15. U15 – Là admin sửa thông tin bài viết 10](#_Toc69440483)

1. **GIỚI THIỆU**
   1. **Khái quát**

Trong lĩnh vực phát triển phần mềm, User Stories (User Story) là một hoặc nhiều câu mô tả ngôn ngữ tự nhiên (không phải ngôn ngữ kỹ thuật) hoặc ngôn ngữ kinh doanh của người dùng cuối hoặc người dùng hệ thống. Nó ghi lại những gì người dùng cần làm hoặc không cần như một phần công việc hoặc nhiệm vụ của họ.

User Stories được sử dụng trong các phương pháp như phát triển phần mềm Agile là cơ sở để xác định các chức năng của hệ thống là phát triển kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý yêu cầu. Giúp bản thân bạn biết "ai", "cái gì" và "tại sao" trong một yêu cầu đơn giản, ngắn gọn, thường chỉ giới hạn bởi những chi tiết có thể được viết trên một mảnh giấy ghi chú.

Với User Stories, điều này cho phép nhóm phát triển dành thời gian với người dùng và hiểu rõ hơn về chức năng mà họ muốn.

Trong ứng dụng này, chức năng chính là giúp người dùng tìm, mua cho mình những sản phẩm thích hợp một cách dễ dàng và kiếm thêm các nguồn thu nhập thụ động từ việc mua hàng. Việc sử dụng User Stories cũng hiểu hầu hết các quy trình, quy trình làm việc và chức năng của hệ thống nên hoạt động ngay bây giờ.

User Stories cũng có thể được viết bởi nhà phát triển để thể hiện các yêu cầu phi chức năng (chẳng hạn như bảo mật, hiệu suất, chất lượng).

* 1. **Tổng quan tài liệu**

Tài liệu này cung cấp một câu chuyện người dùng và cái nhìn hướng mục tiêu của dự án “**Website Bán Hàng Tích Hợp Mô Hình Affiliate Marketing**” cung cấp một số lợi ích chính của dự án dưới đây:

* Nó giúp trả lời câu hỏi "Dự án này làm gì?" cho doanh nghiệp, nhà tài trợ dự án, chủ đầu tư và kiến trúc sư bao gồm cả phạm vi xác định rõ ràng.
* Nó hỗ trợ xác định mục tiêu và tìm mua dễ hàng dễ dàng trong tương lai.
* Nó giúp hiểu các khả năng cần thiết để hỗ trợ một dự án.
* Nó cung cấp một nguồn tài nguyên có ý nghĩa có thể được sử dụng trong cuộc trò chuyện giữa nhóm kinh doanh và kiến trúc.
  1. **Giá trị kinh doanh**

Nhóm chúng em đề nghị xây dựng một “**Website Bán Hàng Tích Hợp Mô Hình Affiliate Marketing**” với một số tính năng đặc biệt cho người dùng:

* Đăng ký tạo tài khoản người dùng và đăng nhập.
* Quản lý thông tin người dùng, bảo mật cao.
* Có thể nhập mã giới thiệu từ người giới thiệu để kiếm thu nhập thụ động
* Xây dựng hệ thống tích điểm kiếm thêm thu nhập cho người dùng.
* Sản phẩm có hình minh họa chân thật, rõ nét, đầy đủ thông tin.
* Có thể thêm hàng vào giỏ hàng, đặt hàng, mua hàng.
* Có nhiều chứng năng thanh toán và dễ sử dụng.

1. **USER STORIES CỦA WEBSITE BÁN HÀNG TÍCH HỢP MÔ HÌNH AFFILIATE MARKETING**

* 1. U01 – Xem thông tin về các sản phẩm

Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website thành công.
* Sau đó chọn sản phẩm muốn xem để xem chi tiết thông tin sản phẩm

* 1. U02 - Quản lý giỏ hàng

Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website thành công.
* Chọn sản phẩm muốn thêm vào giỏ hàng
* Chọn “Add to Cart”
* Sản phẩm được đưa vào giỏ hàng

* 1. U03 - Tìm kiếm sản phẩm

Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website thành công.
* Chọn icon “Search” trên header
* Nhập tên sản phẩm hoặc từ khóa muốn tìm kiếm
* Các sản phẩm được tìm kiếm sẽ được hiển thị (nếu có)

* 1. U04 - Đăng ký tài khoản cá nhân

Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website thành công.
* Chọn “REGISTER” trên header
* Hiển thị trang đăng ký tài khoản
* Người dùng nhập thông tin cá nhân đầy đủ để đăng ký tài khoản
* Chọn “Create Account” để hoàn tất đăng ký

* 1. U05 - Xem tin tức và khuyến mãi

Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website thành công
* Ở phần Slider sẽ xuất hiện các banner về các tin tức và thông tin chương trình khuyến mãi
* Chọn tin tức hoặc thông tin chương trình khuyến mãi muốn xem
* Hiển thị trang chứa nội dung về tin tức hoặc chương trình khuyến mãi đã chọn
  1. U06 – Mua hàng

Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website và đăng nhập tài khoản thành công
* Chọn

* 1. U07 - Nhập mã giới thiệu

Với người dùng:

* Trước hết, khi truy cập website và đăng nhập thành công.

* 1. U08 – Xem lịch sử mua hàng

Với người dùng:

* Trước hết, khi truy cập website và đăng nhập thành công.
* Tôi thêm sản phẩm vào giỏ hàng
* Tôi truy cập vào “Giỏ hàng”
* Tôi chọn số lượng sản phẩm trước khi thanh toán
* Tôi chọn muc “Thanh toán”
* chọn “Phương thức thanh toán” để thanh toán theo ý của mình
* Tôi bấm “Submit” để đặt hàng

* 1. U09 – Thanh toán đơn hàng

Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website thành công.
* Chọn sản phẩm bất kì
* Tôi sẽ xem được thông tin của sản phẩm đó

* 1. U10 – Quản lý thông tin cá nhân

Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website thành công
* Chọn mục “Liên hệ” trên thanh menu
* Nhập đầy đủ thông tin trong mục liên hệ với chúng tôi
* Điền nội dung muốn góp ý với Website
* Tôi bấm “gửi góp ý” để gửi nội dung đến cho website

* 1. U11 – Gửi ý kiến góp ý với website

Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website và đăng nhập thành công
* Tôi truy cập vào mục “My Account”
* Chọn mục “Chỉnh sửa thông tin”
* Tôi chọn và nhập thông tin cá nhân cần thay đổi
* Chọn mục “Lưu” để lưu lại thông tin đã nhập

* 1. U12 – Quản lý sản phẩm

Với quản trị viên:

* Tôi truy cập vào trang admin của website
* Sau đó tôi đăng nhập thành công
* Tôi chọn mục liên hệ để duyệt đóng góp và bình luận

* 1. U13 – Quản lý đơn hàng

Với quản trị viên:

* Tôi truy cập vào trang admin của website
* Sau đó tôi đăng nhập thành công
* Tôi chọn mục liên hệ xóa bình luận

* 1. U14 – Quản lý chiết khấu sản phẩm

Với quản trị viên:

* Tôi truy cập vào trang admin của website
* Sau đó tôi đăng nhập thành công
* Tôi chọn mục liên hệ để xóa đóng góp

* 1. U15 – Quản lý khuyến mãi sản phẩm

Với quản trị viên:

* Tôi truy cập vào trang admin của website
* Sau đó tôi đăng nhập thành công
* Tôi chọn mục Tin tức để sửa thông tin bài viết
  1. **U16 – Hỗ trợ, chăm sóc khách hàng**

Với Với người dùng:

* Trước hết, sau khi truy cập website thành công.
* Chọn mục “Register” trên Header
* Tôi sẽ nhập được các thông tin cá nhân
* Tôi bấm nút “Register” để tạo tài khoản mới
  1. **U17 – Quản lý hóa đơn**
  2. **U18 – Báo cáo thống kê**
  3. **U19 – Quản lý kho**
  4. **U20 – Quản lý Merchant**
  5. **U21 – Quản lý tài khoản**
  6. **U22 – Quản lý Website**

1. **USE CASE**
   1. **Use case 1: Overview**

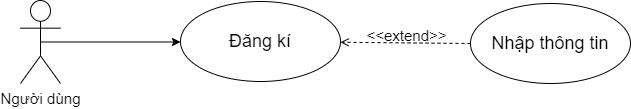
Diagram

Description automatically generated

Hình 3.1: Use case Overview

* 1. **Mô tả chi tiết use case sử dụng**
     1. **Use case “Đăng ký”**

1. *Biểu đồ use case:*



*Hình 3.2 Biểu đồ use case Đăng ký*

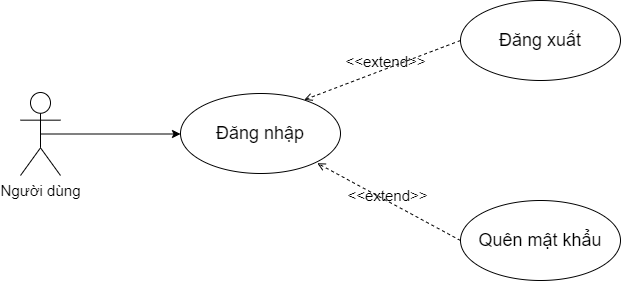
1. *Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Đăng kí:*

*Bảng 3.1 Đặc tả use case Đăng kí*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC01 | |
| Tên Use Case | Đăng kí | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc đăng kí tài khoản | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Chọn chức năng đăng kí   3. Nhập thông tin đăng kí  4. Chọn Đăng kí | 1. Hiển thị form đăng kí       5. Tiến hành kiểm tra các định dạng nội dung.  6. Nếu không đúng xuất thông báo và yêu cầu nhập lại.  7. Tiến hành kiểm tra cơ sở dữ liệu.  8. CSDL trả kết quả.  9. Nếu tồn tại tài khoản thì thông báo tài khoản đã tồn tại. 10. Ngược lại thì lưu thông tin tài khoản vào CSDL.  11. Thông báo đăng kí thành công. |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau | Thông báo đăng ký thành công/thất bại | |

* + 1. **Use case “Đăng nhập”**

1. *Biểu đồ use case:*



*Hình 3.3 Biểu đồ use case Đăng nhập*

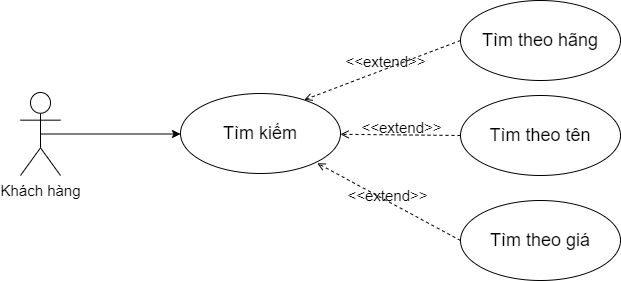
1. *Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Đăng nhập*

*Bảng 3.2 đặc tả use case Đăng nhập*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC02 | |
| Tên Use Case | Đăng nhập | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Admin, Merchant, Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc đăng nhập tài khoản vào hệ thống | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Chọn chức năng đăng nhập  3. Nhập thông tin đăng nhập  4. Chọn Đăng nhập | 2. Hiển thị form đăng nhập      5. Tiến hành kiểm tra tên đăng nhập, mật khẩu tồn tại trong cơ sở dữ liệu.  6. Cơ sở dữ liệu trả về kết quả  7. Nếu không tồn tại, thông báo đăng nhập lỗi, quay lại bước 3  8. Thông báo đăng nhập thành công |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau | Thông báo đăng nhập thành công/thất bại | |

* + 1. **Use case “Tìm kiếm”**

1. *Biểu đồ use case:*



*Biểu đồ use case Tìm kiếm*

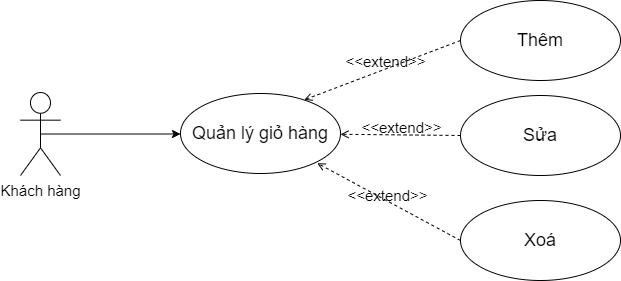
1. *Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Tìm kiếm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC03 | |
| Tên Use Case | Tìm kiếm | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng, Khách vãng lai | |
| Mô tả | Use case mô tả việc tìm kiếm sản phẩm | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Chọn chức icon Tìm kiếm  3. Nhập từ khoá cần tìm  4. Chọn Tìm kiếm | 2. Hiển thị thanh textbox      5. Kiểm tra từ khóa trên hệ thống, đưa ra các sản phẩm có liên quan đến từ khóa.  Nếu không có sản phẩm nào chứa từ khóa, thông báo “Không tìm thấy sản phẩm”, quay lại bước 1  6. Hiển thị danh sách sản phẩm có chứa từ khoá |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau | Hiển thì danh sách sản phẩm/thông báo “Không có sản phẩm” | |

*Bảng đặc tả use case Tìm kiếm*

* + 1. **Use case “Quản lý giỏ hàng”**

1. *Biểu đồ use case:*



*Biểu đồ use case Quản lý giỏ hàng*

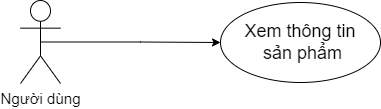
1. *Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý giỏ hàng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC04 | |
| Tên Use Case | Quản lý giỏ hàng | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc thêm, sửa, xoá sản phẩm trong giỏ hàng | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thông  3. Chọn “Thêm vài giỏ hàng” từ bất kỳ sản phẩm  5. Chọn “Giỏ hàng” trên thanh header  7. Kích chọn “+”/ ”-” để thay đổi số lượng  9. Kích chọn “Xoá” để xoá sản phẩm | 4. Sản phẩm dược thêm vào danh sách trong “Giỏ hàng”  6. Hiển thị form giỏ hàng  8. Hiển thị số lượng thay đổi thêm/giảm theo yêu cầu  10. Xoá sản phẩm được chọn khỏi danh sách giỏ hàng |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

*Bảng đặc tả use case Quản lý giỏ hàng*

* + 1. **Use case “Xem sản phẩm”**

1. *Biểu đồ use case:*



*Biểu đồ use case Xem sản phẩm*

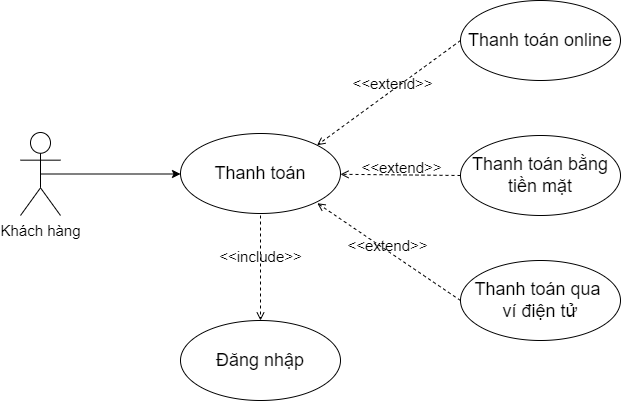
1. *Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Xem sản phẩm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC05 | |
| Tên Use Case | Đăng nhập | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xem thông tin chi tiết sản phẩm | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Chọn sản phẩm muốn xem thông tin | 2. Truy cập vào cơ sở dữ liệu và trả về thông chi tiết tương ứng với sản phẩm người dùng chọn  3. Hiển thị form chứa thông tin trả về |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

*Bảng đặc tả use case Xem sản phẩm*

* + 1. **Use case “Thanh toán”**

1. *Biểu đồ use case:*



*Hình 2.20 Biểu đồ use case Thanh toán*

1. *Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Thanh toán*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC06 | |
| Tên Use Case | Thanh toán | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng thanh toán | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Thêm sản phẩm đã chọn vào “Giỏ hàng”  5. Chọn “Giỏ hàng” trên thanh header  7. Chọn “Thanh toán”  9. Nhập thông tin liên lạc, địa chỉ và chọn “Hình thức thanh toán”  10. Chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Sản phẩm được thêm vào giỏ hàng  6. Hiển thị form giỏ hàng  8. Hiển thị form thông tin đơn hàng  11. Tạo đơn hàng và thông báo thanh toán thành công |
| Điều kiện trước | Giỏ hàng phải có sản phẩm | |
| Điều kiện sau | Tạo và lưu thông tin đơn hàng | |

*Bảng 2.7 Mô tả use case Thanh toán*

* + 1. **Use case “Xem tin tức và khuyến mãi”**

1. *Biểu đồ use case:*

*?*

*Hình 2.21 Biểu đồ use case Quản lý tài khoản*

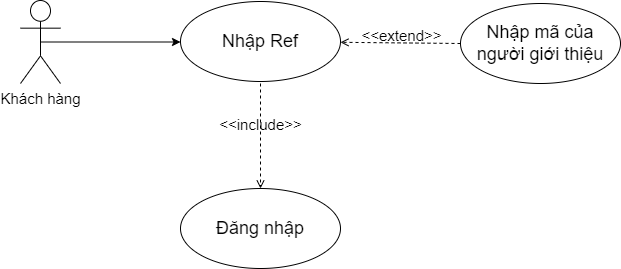
1. *Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Thống kê*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC07 | |
| Tên Use Case | Quản lý tài khoản | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Admin | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng thanh toán | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Thêm sản phẩm đã chọn vào “Giỏ hàng”  5. Chọn “Giỏ hàng” trên thanh header  7. Chọn “Thanh toán”  9. Nhập thông tin liên lạc, địa chỉ và chọn “Hình thức thanh toán”  10. Chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Sản phẩm được thêm vào giỏ hàng  6. Hiển thị form giỏ hàng  8. Hiển thị form thông tin đơn hàng  11. Tạo đơn hàng và thông báo thanh toán thành công |
| Điều kiện trước | Giỏ hàng phải có sản phẩm | |
| Điều kiện sau | Tạo và lưu thông tin đơn hàng | |

*Bảng 2.8 Mô tả use case Quản lý tài khoản*

* + 1. **Use case “Nhập Ref”**

1. *Biểu đồ use case:*

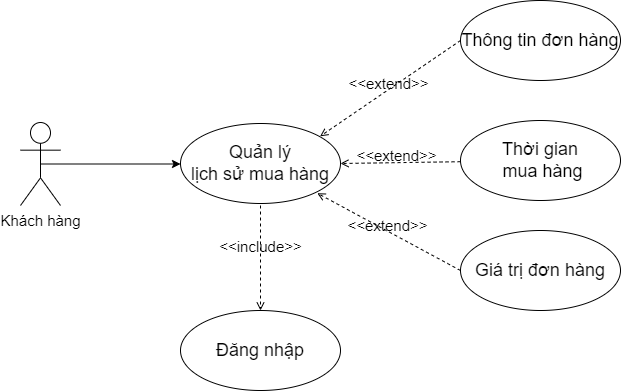


1. *Đặc tả chi tiết luồng sự kiện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC08 | |
| Tên Use Case | Nhập Ref | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng nhập mã giới thiệu từ người giới thiệu | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Mã giới thiệu”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý lịch sử mua hàng”**

1. **Biểu đồ use case**



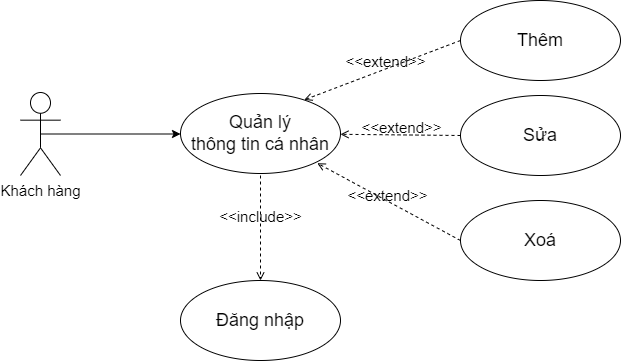
**Hình ... Biểu đồ use case Quản lý lịch sử mua hàng**

1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý lịch sử mua hàng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC09 | |
| Tên Use Case | Quản lý lịch sử mua hàng | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xem lịch sử các đơn hàng đã mua | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Quản lý lịch sử mua hàng” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Lịch sử mua hàng”  7. Hiển thị danh sách thông tin sản phẩm đã mua |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý thông tin cá nhân”**

1. **Biểu đồ use case**



1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý thông tin cá nhân**

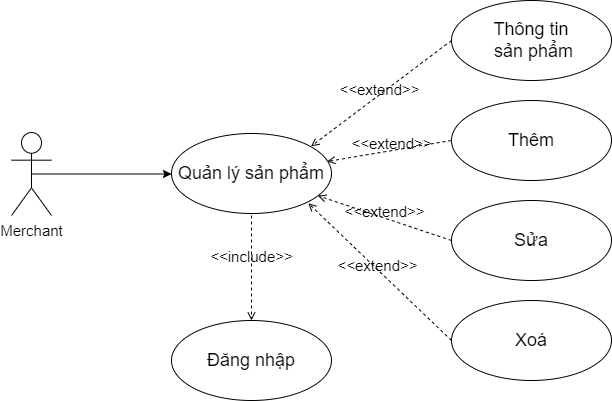
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC10.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý thông tin cá nhân | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng thêm thông tin cá nhân | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Thông tin cá nhân”  7. Chọn mục “Thêm”  9. Điền thông tin và nhấn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Thông tin cá nhân”  8. Hiển thị bảng “Điền thông tin”  10. Cơ sở dũ liệu kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu không hợp lệ quay lại bước 9.  11. Hệ thống thông báo cập nhật thành công |
| Điều kiện trước | Phải điền thông tin đầy đủ vào form | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC10.2 | |
| Tên Use Case | Quản lý thông tin cá nhân | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng chỉnh sửa thông tin cá nhân | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Thông tin cá nhân”  7. Chọn mục “Sửa”  9. Thay đổi thông tin và nhấn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Thông tin cá nhân”  8. Hiển thị bảng “Thông tin” với thông tin đang có  10. Cơ sở dũ liệu kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, nếu không hợp lệ quay lại bước 9.  11. Hệ thống thông báo cập nhật thành công |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC10.3 | |
| Tên Use Case | Quản lý thông tin cá nhân | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Khách hàng | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xoá thông tin | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Thông tin cá nhân”  7. Chọn mục “Xoá”  9. Chọn mục “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Thông tin cá nhân”  8. Hiển thị mess Xác nhận/Huỷ  10. Cơ sở dữ liệu sẽ xoá thông tin, làm trống các textbox và thông báo “Xoá thành công” |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý sản phẩm”**

1. **Biểu đồ use case**



1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý sản phẩm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC11.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý sản phẩm | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xem sản phẩm | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My store”  5. Chọn mục “Quản lý sản phẩm”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

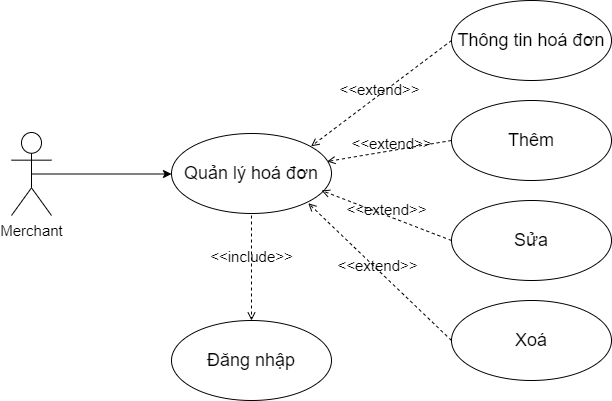
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC11.2 | |
| Tên Use Case | Quản lý sản phẩm | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng thêm sản phẩm | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My store”  5. Chọn mục “Quản lý sản phẩm”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC11.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý sản phẩm | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng sửa thông tin sản phẩm | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My store”  5. Chọn mục “Quản lý sản phẩm”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC11.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý sản phẩm | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xoá sản phẩm | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My store”  5. Chọn mục “Quản lý sản phẩm”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý hoá đơn”**

1. **Biểu đồ use case**



1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý hoá đơn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC12.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý hoá đơn | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xem thông tin hoá đơn | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Mã giới thiệu”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

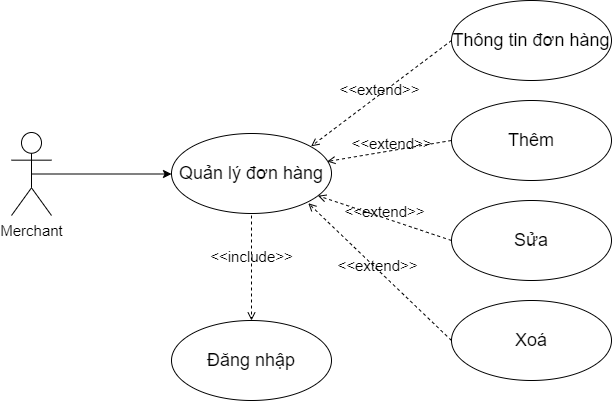
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC12.2 | |
| Tên Use Case | Quản lý hoá đơn | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng thêm hoá đơn | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Mã giới thiệu”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC12.3 | |
| Tên Use Case | Quản lý hoá đơn | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng sửa thông tin hoá đơn | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Mã giới thiệu”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC12.4 | |
| Tên Use Case | Quản lý hoá đơn | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xoá hoá đơn | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Mã giới thiệu”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý đơn hàng”**

1. **Biểu đồ use case**



1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý đơn hàng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC13.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý đơn hàng | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xem thông tin đơn hàng | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “Quản lý đơn hàng”  5. Chọn mục “Mã giới thiệu”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “Quản lý đơn hàng”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

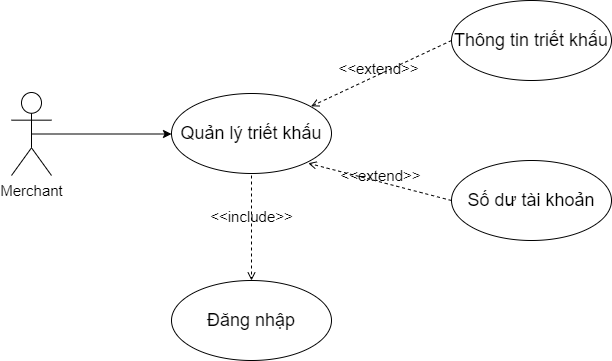
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC13.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý đơn hàng | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng thêm đơn hàng | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Mã giới thiệu”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC13.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý đơn hàng | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng sửa thông tin đơn hàng | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Mã giới thiệu”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC13.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý đơn hàng | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xoá đơn hàng | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “My account”  5. Chọn mục “Mã giới thiệu”  7. Nhập mã giới thiệu và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “My account”  6. Hiển thị form “Mã giới thiệu”  8. ? |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý triết khấu”**

1. **Biểu đồ use case**



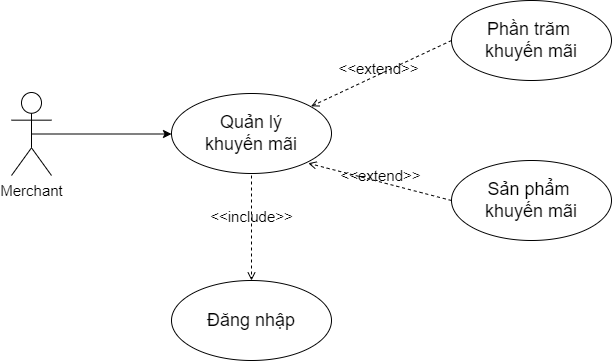
1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý triết khấu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC14.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý triết khấu | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xem thông tin triết khấu | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “Quản lý triết khấu”  5. Chọn mục “Lịch sử triết khấu”  7. chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “Quản lý triết khấu”  6. Hiển thị form “danh sách lịch sử”  8. Kết thúc |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC14.2 | |
| Tên Use Case | Quản lý triết khấu | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xem số dư tài khoản | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “Quản lý triết khấu”  5. Chọn mục “Số dư tài khoản”  7. Chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “Quản lý triết khấu”  6. Hiển thị form “Số dư tài khoản”  8. Kết thúc |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý khuyến mãi”**

1. **Biểu đồ use case**



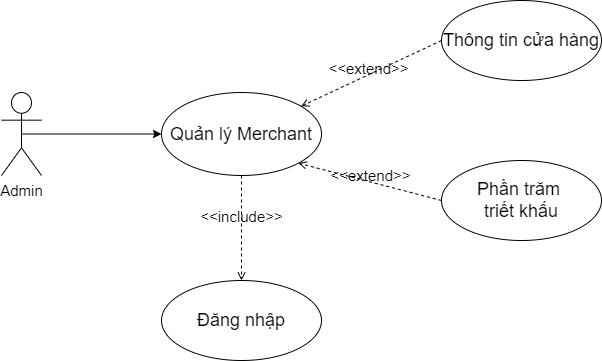
1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý khuyến mãi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC15.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý khuyến mãi | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng chỉnh sửa phần trăm khuyến mãi | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “Quản lý khuyến mãi”  5. Chọn mục “Cập nhật phần trăm khuyến mãi”  7. Nhập phần trăm khuyến mãi và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “Setting khuyến mãi”  6. Hiển thị form “Cập nhật phần trăm khuyến mãi”  8. Thông báo “ Cập nhật thành công” |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC15.2 | |
| Tên Use Case | Quản lý khuyến mãi | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Merchant | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng chọn sản phẩm để khuyến mãi | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “Quản lý khuyến mãi”  5. Chọn mục “Cập nhật sản phẩm khuyến mãi”  7. Nhập thông tin khuyến mãi và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “Setting khuyến mãi”  6. Hiển thị form “Cập nhật sản phẩm khuyến mãi”  8. Thông báo “ Cập nhật thành công” |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý Merchant”**

1. **Biểu đồ use case**



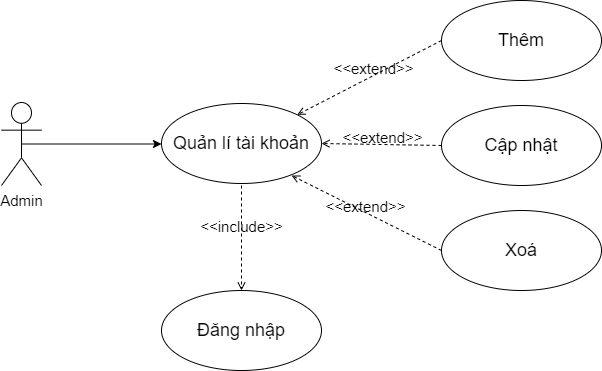
1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý Merchant**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC16.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý Merchant | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Admin | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xem thông tin cửa hàng | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “Quản lý merchant”  5. Chọn mục “Thêm, sửa, xóa Merchant”  7. Chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “danh sách merchant”  6. Hiển thị form “Thêm, sửa, xóa”  8. Thông báo “Thêm, sửa, xóa thành công” |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC16.2 | |
| Tên Use Case | Quản lý Merchant | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Admin | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xem phần trăm triết khấu | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “Quản lý merchant”  5. Chọn mục “phần trăm triết khấu”  7. Chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “Quản lý triết khấu”  6. Hiển thị form “lịch sử triết khấu”  8. Kết thúc |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý tài khoản”**

1. **Biểu đồ use case**



1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý tài khoản**

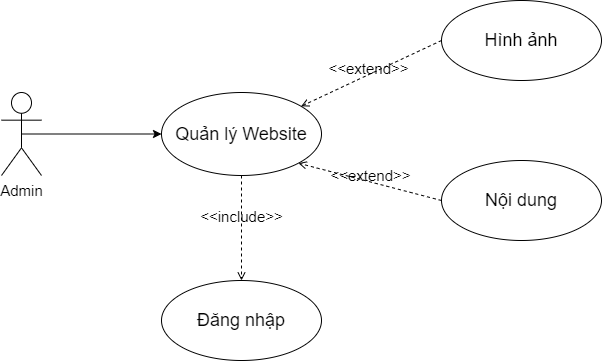
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC17.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý tài khoản | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Admin | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng thêm tài khoản, quyền hoạt động cho người dùng khác | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “quản lý tài khoản”  5. Chọn mục “Thêm tài khoản”  7. Nhập thông tin tài khoản và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “danh sách tài khoản”  6. Hiển thị form “Thêm tài khoản”  8. Thông báo “ Tạo tài khoản thành công” |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC17.2 | |
| Tên Use Case | Quản lý tài khoản | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Admin | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng cập nhật thông tin tài khoản, quyền hoạt động của người dùng khác | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “quản lý tài khoản”  5. Chọn mục “Cập nhật tài khoản”  7. Nhập lại thông tin tài khoản và chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “danh sách tài khoản”  6. Hiển thị form “Cập nhật tài khoản”  8. Thông báo “ Cập nhật thành công” |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC17.3 | |
| Tên Use Case | Quản lý tài khoản | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Admin | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng xoá tài khoản người dùng khác | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “quản lý tài khoản”  5. Chọn mục “Xóa tài khoản”  7. Chọn “Xác nhận” | 2. Hiển thị trang chủ website  4. Hiển thị form “danh sách tài khoản”  6. Hiển thị form “Xóa tài khoản”  8. Thông báo “ Xóa thành công” |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

* + 1. **Use case “Quản lý Website”**

1. **Biểu đồ use case**



1. **Đặc tả chi tiết luồng sự kiện Quản lý Website**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC18.1 | |
| Tên Use Case | Quản lý Website | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Admin | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng chỉnh sửa hình ảnh cho Website | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “Hình ảnh”  5. Chọn mục “Cập nhật hình ảnh”  7. Nhập hình ảnh cần chỉnh sửa và chọn“Xác nhận” | 2. Hiển thị trang Quản lý website  4. Hiển thị form “ nhập hình ảnh”  6. Hiển thị form “cập nhật sản phẩm”  8. Thông báo “Cập nhật thành công” |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Use Case | UC18.2 | |
| Tên Use Case | Quản lý Website | |
| Người lập | DƯƠNG TUẤN ANH | |
| Tác nhân | Admin | |
| Mô tả | Use case mô tả việc người dùng chỉnh sửa nội dung cho Website | |
| Dòng sự kiên | Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống  3. Chọn mục “Nội dung”  5. Chọn mục “Cập nhật nội dung”  7. Nhập hình ảnh cần chỉnh sửa và chọn“Xác nhận” | 2. Hiển thị trang Quản lý website  4. Hiển thị form “ nhập nội dung”  6. Hiển thị form “cập nhật nội dung”  8. Thông báo “Cập nhật thành công” |
| Điều kiện trước | Không có | |
| Điều kiện sau |  | |